

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ



THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU
NGÀNH HÀNG GẠO (HS: 1006)



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

I. HIỆN TRẠNG NGÀNH HÀNG

1. Năng lực cung ứng của Việt Nam



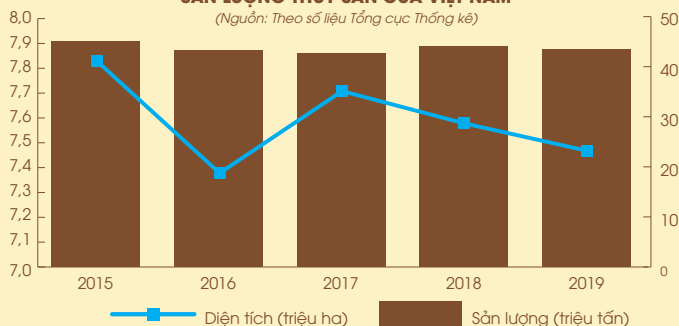
Việt Nam có điều kiện tự nhiên thích hợp cho trồng cây lúa với diện tích sản xuất xếp hạng 5 trên thế giới



Tuy diện tích gieo trồng trong xu hướng giảm để nhường quỹ đất cho những loại nông sản có giá trị kinh tế cao hơn (như rau quả, cây công nghiệp), năng suất lúa nhìn chung được cải thiện, hiện ở mức 5,82 tấn/ha

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)



BẢNG 1: DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA CỦA VIỆT NAM

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Diện tích (triệu ha)	7,82	7,37	7,7	7,57	7,46
Sản lượng (triệu tấn)	45,09	43,16	42,73	43,97	43,44
Năng suất trung bình (tấn/ha)	5,77	5,86	5,55	5,81	5,82



Xu hướng sản xuất các loại giống chất lượng cao (gạo thơm, gạo hạt dài, gạo đặc sản) hướng tới thị trường cao cấp

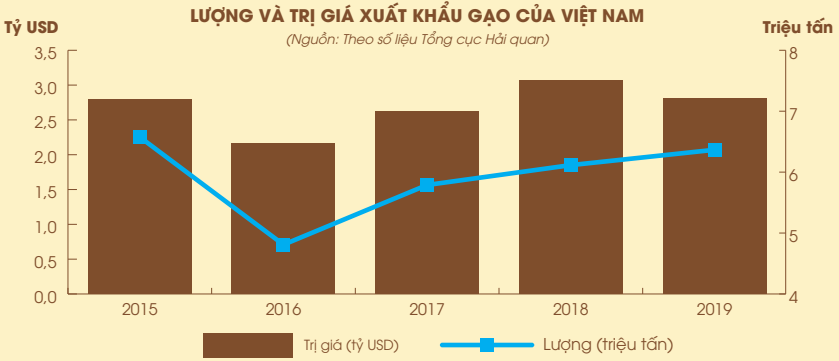
2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam



Việt Nam là nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, gạo Việt Nam đã được xuất khẩu sang gần 160 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm 15% thị phần gạo toàn cầu và cũng bước đầu thâm nhập được các thị trường có yêu cầu chất lượng cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, EU...

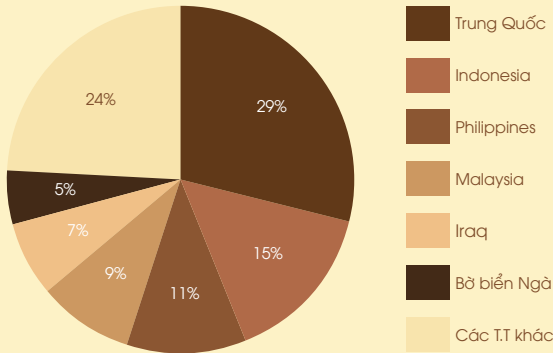


Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo năm 2019 đạt 6,37 triệu tấn, trị giá khoảng 2,8 tỷ USD, tăng 4,2% về lượng nhưng giảm 8,3% về trị giá so với năm 2018. Trong bối cảnh thị trường khó khăn, xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng về lượng, tuy nhiên, giá xuất khẩu bình quân ở mức 441USD/tấn, giảm 12,1% tương đương mức giảm 60 USD/tấn.

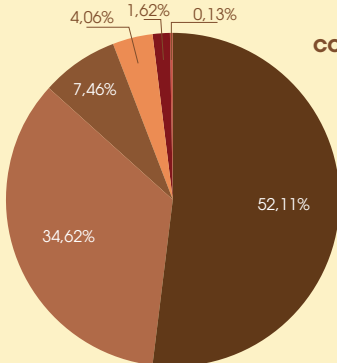


THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)



Gạo trắng vẫn chiếm tỷ trọng chính trong xuất khẩu gạo của Việt Nam (hơn 52%), tiếp theo là đến gạo thơm và gạo nếp



CƠ CẤU CHỦNG LOẠI GẠO XK RA THẾ GIỚI NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)

- Gạo trắng
- Gạo giống Nhật
- Gạo thơm
- Gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo huyết rồng...
- Gạo nếp
- Gạo đỏ



Xuất khẩu gạo sang EU tăng mạnh cả về lượng và trị giá trong năm 2019

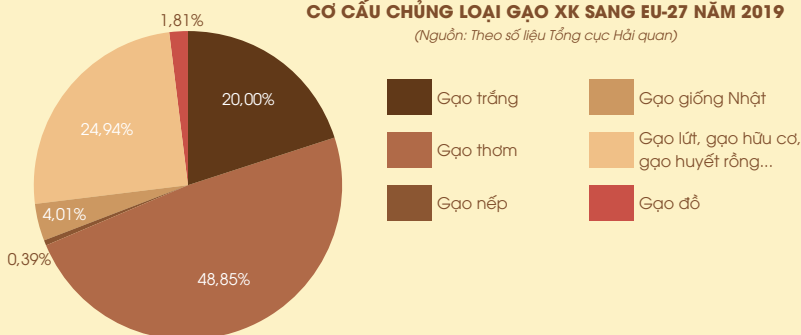
Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), kim ngạch nhập khẩu gạo của EU từ Việt Nam đã tăng lên mức 35,83 triệu USD trong năm 2019, tăng 96% so với năm 2018 và tăng 180% so với năm 2017.



Khác với bức tranh chung trong xuất khẩu của cả nước, trong cơ cấu xuất khẩu gạo sang EU, gạo thơm chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn 48%), tiếp theo đến các loại gạo đặc biệt như gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo giống Nhật

CƠ CẤU CHỦNG LOẠI GẠO XK SANG EU-27 NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)



Trong năm 2019, EU chỉ chiếm 1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam



Thị trường EU chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu nhóm gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo huyết rồng... của Việt Nam với tỷ trọng 16,1%, đối với gạo đỏ là 14,6%

TỶ TRỌNG CỦA THỊ TRƯỜNG EU-27 TRONG TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CÁC LOẠI GẠO CỦA VIỆT NAM NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)

Tên hàng	Tỷ trọng của EU (%)
Thị phần chung	1,0
Gạo trắng	0,4
Gạo thơm	1,5
Gạo nếp	0,1
Gạo giống Nhật	1,0
Gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo huyết rồng...	16,1
Gạo đỏ	14,6

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

1. Nhu cầu nhập khẩu và các nguồn cung ứng chính



Năm 2019 EU nhập khẩu 2,3 triệu tấn gạo các loại và các loại sản phẩm từ gạo (HS1006) với kim ngạch 1,4 tỉ EUR



Trong những năm gần đây nhập khẩu gạo của EU từ Việt Nam có xu hướng tăng nhưng thị phần gạo của Việt Nam tại EU còn rất thấp, chỉ chiếm 1,3%

Trừ Campuchia và Myanmar đang được hưởng lợi thế về thuế nhập khẩu, trong khối các nước ASEAN thì Thái Lan và Việt Nam đều đứng trong top 10 thị trường ngoại khối cung ứng gạo của EU.

NHẬP KHẨU GẠO (HS: 1006) CỦA EU-27 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH VỚI CÁC ĐỐI THỦ CẠNH TRANH TẠI THỊ TRƯỜNG EU-27

(Nguồn: Theo số liệu ITC)

Nhập khẩu EU-27 từ thế giới	Năm 2019 (nghìn USD)	Thị phần trong tổng NK gạo của EU năm 2019 (%)
Tổng	2.585.538	100,0
Nội khối EU-27	1.150.398	44,5
Ngoại khối	1.435.140	55,5
Pakistan	328.844	12,7
Thái Lan	253.818	9,8
Myanmar	173.751	6,7
Campuchia	173.330	6,7
Ấn Độ	156.622	6,1
Guyan	75.655	2,9
Anh	60.148	2,3
Uruguay	39.234	1,5
Việt Nam	34.530	1,3
Mỹ	34.258	1,3
Achentina	19.918	0,8
Trung Quốc	18.899	0,7
Paraguay	16.374	0,6
Suriname	11.553	0,4
Nga	10.063	0,4
Thổ Nhĩ Kỳ	7.342	0,3
Lào	5.077	0,2
Nhật Bản	3.116	0,1
Litva	2.509	0,1
Các nước châu Âu khác	1.941	0,1
Singapore	1.339	0,1
Bangladesh	1.078	0,0
Malaysia	832	0,0
Ukraina	804	0,0
Xri Lanca	734	0,0
Braxin	570	0,0
Australia	515	0,0
UAE	420	0,0
Canada	330	0,0
Hàn Quốc	317	0,0
Macedonia	281	0,0
Iran	239	0,0
Đài Loan	237	0,0
Li Băng	119	0,0
Indonesia	101	0,0

2. Thị hiếu, xu hướng tiêu thụ

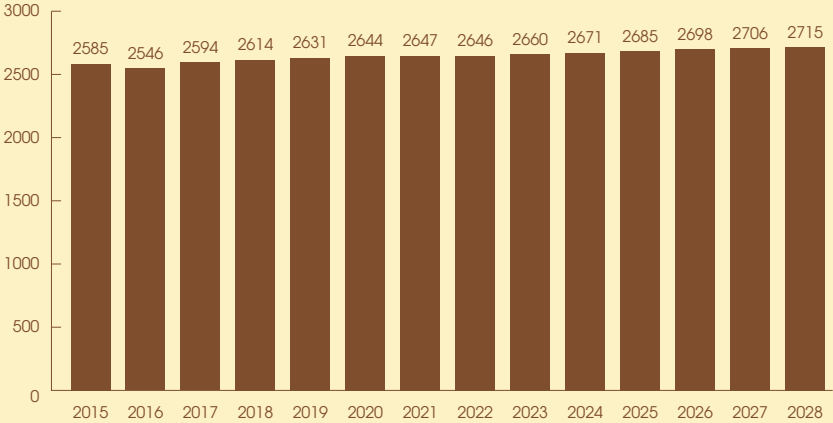


Xu thế sử dụng gạo tại EU gia tăng do sự phổ biến của thức ăn châu Á tại đây

ĐUỠ BẢO LƯỢNG TIÊU THỤ GẠO TẠI EU-28 TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2028 (ĐVT: NGHÌN TẤN)

Nghìn tấn

(Nguồn: OECD, FAO)



Gạo tuy không phải là thực phẩm chính tại EU, song thị trường này vẫn có nhu cầu nhất định với một số sản phẩm, đặc biệt là các loại gạo dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe

Người tiêu dùng châu Âu sẵn sàng chấp nhận các sản phẩm gạo chất lượng cao, có giá trị cao. Nếu sản phẩm gạo của Việt Nam đáp ứng được tiêu chuẩn của thị trường EU và tận dụng được lợi thế từ Hiệp định EVFTA thì trong tương lai vị thế sẽ được nâng cao hơn trên thị trường quốc tế.



III. LỢI THẾ TỪ HIỆP ĐỊNH EVFTA

1. Thuế quan



Hiệp định EVFTA tạo lợi thế cạnh tranh rất lớn cho gạo Việt Nam so với hiện nay và so với các đối thủ cạnh tranh lớn vẫn chưa có FTA với EU như Thái Lan, Trung Quốc

Trước EVFTA	Khi EVFTA có hiệu lực
<p>Xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường EU đang bị áp thuế rất cao, tới 45%. Thậm chí có một số nước trong khối EU áp mức thuế nhập khẩu với gạo Việt Nam lên tới 100% hoặc cao hơn.</p> <p>Nhiều loại gạo thơm thuộc dòng ST20, ST25 vừa đoạt giải gạo ngon nhất thế giới bán vào thị trường EU với giá 700 USD/tấn nhưng chịu thuế nhập khẩu 45%. Chính vì vậy, giá bán bị đội lên hơn 1.000 USD/tấn. Riêng một số nước áp thuế 100% thì giá gạo thơm lên tới 1.400 USD/tấn.</p>	<p>EU dành cho Việt Nam ưu đãi thuế suất 0% với hạn ngạch 80.000 tấn gạo/ năm (gồm 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thơm).</p> <p>Đặc biệt, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tẻ. Cam kết này giúp Việt Nam có thể xuất khẩu khoảng 100.000 tấn gạo tẻ vào EU hàng năm.</p>



Gạo



Mỗi năm

- Gạo chưa xay xát: 20.000 tấn**
- Gạo xay xát: 30.000 tấn**
- Gạo thơm: 30.000 tấn**

8 LOẠI GIỐNG LÚA GẠO THƠM ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG EVFTA

- 1 **Jasmine 85**
- 2 **ST 5**
- 3 **ST 20**
- 4 **Nang Hoa 9 (Nàng Hoa 9)**
- 5 **VD 20 RVT**
- 6 **OM 4900**
- 7 **OM 5451**
- 8 **Tai Nguyen Cho Dao (Tài nguyên Chợ Đào)**







Đối với sản phẩm từ gạo, EU sẽ đưa thuế suất về 0% sau 3-5 năm



THUẾ SUẤT SẢN PHẨM TỪ GẠO ĐƯA VỀ

0%

Sau 3 - 5 năm

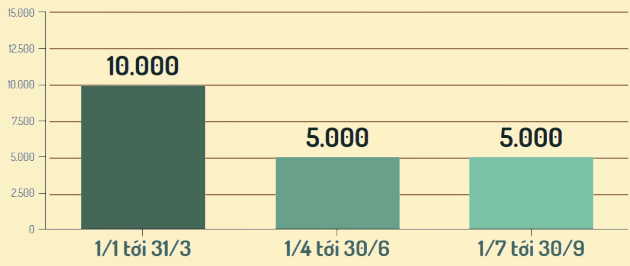
THUẾ SUẤT TUYỆT ĐỐI THÔNG THƯỜNG MỖI TẤN

HS100630	175 EUR - khoảng 21%
Tấm HS100640	65 EUR - 17,84%
Gạo xay HS100620 gạo xay	65 EUR - 8,35%
Lúa chưa xay	7,7% HS100610

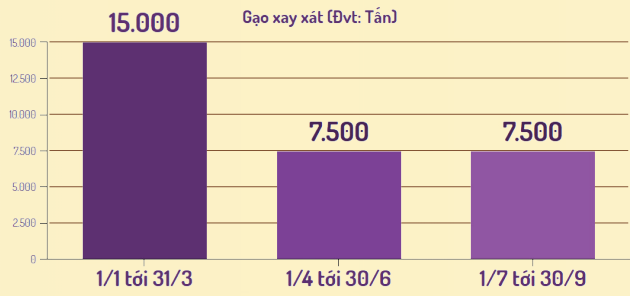


Theo công bố hạn ngạch cho gạo và một số nông sản hàng năm của Việt Nam nhập vào EU theo thỏa thuận EVFTA, để đảm bảo việc tiêu thụ và tránh bị dồn ứ một hàng gạo trên thị trường, EC đã đưa ra hạn ngạch nhập khẩu cụ thể cho từng loại gạo đối với từng giai đoạn trong năm như sau:

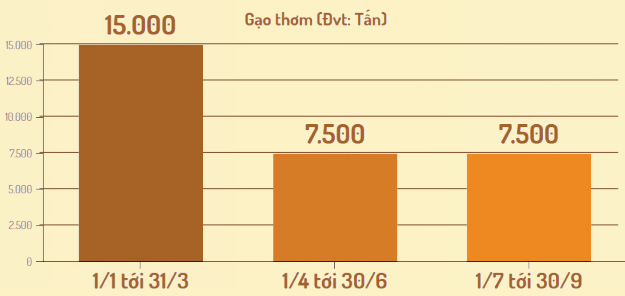
Gạo chưa xay xát (Đvt: Tấn)



Gạo xay xát (Đvt: Tấn)



Gạo thơm (Đvt: Tấn)



2. Đầu tư

Triển vọng thu hút đầu tư vào các phân khúc sản phẩm gạo chế biến có giá trị gia tăng cao.

Với các ưu đãi từ Hiệp định EVFTA và lợi thế so sánh về lao động, đất đai, Việt Nam đứng trước cơ hội đón làn sóng đầu tư mạnh mẽ từ dòng vốn của các quốc gia EU chuyển dịch vào Việt Nam với xu hướng đầu tư vào các lĩnh vực chế biến thực phẩm, nông nghiệp công nghệ cao. Xu hướng chung của các doanh nghiệp châu Âu hiện nay là liên kết xây dựng chuỗi sản xuất với các doanh nghiệp địa phương. Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác châu Âu để tham gia vào chuỗi giá trị.

Các chuỗi sản xuất và cung ứng lúa gạo sẽ được nâng cấp, rút ngắn, khép kín, hình thành rõ rệt chuỗi cung ứng cho nội địa và xuất khẩu. Chuỗi sẽ có liên kết mạnh mẽ hơn giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua hợp tác xã và tổ hợp tác để sản xuất hướng tới xuất khẩu theo quy mô lớn, sản xuất theo tiêu chuẩn.



IV. QUY ĐỊNH, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐỂ XUẤT KHẨU VÀO EU

1. Các quy định, tiêu chuẩn hiện hành



An toàn vệ sinh thực phẩm

An toàn thực phẩm là một vấn đề quan trọng trong Luật Thực phẩm châu Âu và được điều chỉnh bởi Luật Thực phẩm chung.

Quy định EC số 178/2002, ngày 28/01/2002 - Luật chung về an toàn thực phẩm đối với tất cả các giai đoạn sản xuất và phân phối.

Quy định EC số 852/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 29/4/2004 về vệ sinh thực phẩm.

Tuân thủ hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như ISO 9001, ISO 22000 và các nguyên tắc phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP). HACCP thường là bước đầu tiên hướng tới các chương trình an toàn thực phẩm nghiêm ngặt hơn như FSSC22000 hoặc BRC.



Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

EU đã thiết lập mức độ dư lượng tối đa (MRL) cho thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác đối với các sản phẩm thực phẩm.

Quy định EC số 396/2005, ngày 23/02/2005 thiết lập mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm thực phẩm. Tất cả các sản phẩm thực phẩm sẽ bị trục xuất khỏi thị trường EU nếu có chứa thuốc bảo vệ thực vật bất hợp pháp hoặc lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư cao hơn so với giới hạn mà Quy định đặt ra.

Quy định EU số 540/2011, ngày 25/5/2011 xác định các hoạt chất đã được phê duyệt.

Quy định EU số 2019/1793, ngày 22/10/2019 xác định một số biện pháp tạm thời về kiểm soát chất lượng hàng nhập khẩu từ nước thứ ba.

Tiêu chuẩn MRL của các loại thuốc bảo vệ thực vật được xem xét sửa đổi liên tục.



Kiểm soát chất gây ô nhiễm trong sản phẩm

Quy định EC số 1881/2006, ngày 19/12/2006 về thiết lập nồng độ tối đa cho các chất gây ô nhiễm nhất định trong thực phẩm để được phép nhập khẩu vào thị trường châu Âu.

Các quy định về nồng độ độc tố, kim loại nặng, PCBs, PAH, 3-MCPD, melamine, erucic acid, và nitrates được xác định theo từng mặt hàng và mùa vụ.

Quy định EEC số 315/93, ngày 08/02/1993 đặt ra các thủ tục cộng đồng cho các chất gây ô nhiễm trong thực phẩm.



Kiểm soát thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật

Quy định EC số 183/2005, ngày 12/01/2005 đưa ra các yêu cầu chung về vệ sinh thức ăn chăn nuôi và các thủ tục dựa trên tiêu chuẩn HACCP, đồng thời đưa ra danh sách các nguyên liệu và thành phần bị cấm trong thức ăn chăn nuôi.

Quy định EC số 767/2009, ngày 13/7/2009 đưa ra các quy tắc về việc tiếp thị, đóng gói các sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

Quy định EC số 2002/32, ngày 07/5/2002 nghiêm cấm sử dụng và nhập khẩu các sản phẩm phụ gia thức ăn chăn nuôi có chứa các chất vượt quá mức tối đa cho phép.



Hạt nảy mầm

Quy định EC số 211/2013, ngày 08/11/2013 quy định liên quan đến hạt giống nảy mầm.



Quy định kiểm dịch thực vật

EU có các quy định về kiểm dịch thực vật và sản phẩm từ thực vật từ bên ngoài EU nhằm mục đích bảo vệ cây trồng khỏi các sinh vật gây hại như sâu bệnh.

Chỉ thị số 2000/29/EC, ngày 08/5/2000 của Ủy ban châu Âu về các biện pháp bảo vệ ngăn sự xâm nhập vào quần thể sinh vật gây hại cho thực vật và sản phẩm thực vật và chống lại sự lây lan của chúng trong quần thể sinh vật, có hiệu lực ngày 30/07/2000 thiết lập một bộ quy định thống nhất về điều kiện kiểm dịch thực vật và được áp dụng cho tất cả các đối tác thương mại của EU.

Quy định số 2005/15/EC, ngày 28/02/2005 có quy định về bao bì và vật liệu lót bằng gỗ dựa trên ISPM15 (Tiêu chuẩn Quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật số 15 năm 2009 quy định về vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế) yêu cầu vật liệu đóng gói thực vật hoặc sản phẩm thực vật được làm từ gỗ cũng không được chứa sâu bệnh.

Đạo luật mới về Sức khỏe thực vật 2016 của EU, được ban hành để thay thế Chỉ thị 2000/29/EC và có hiệu lực từ ngày 14/12/2019 thiết lập nhiều biện pháp kiểm soát hơn với việc nhập khẩu thực vật và sản phẩm từ thực vật. Theo đó, tất cả các sản phẩm thực vật sống cần phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và tuân theo các quy định về dịch hại nghiêm ngặt hơn.

Quy định EC số 2019/2072, ngày 28/11/2019 cung cấp chi tiết về thực hiện các biện pháp bảo vệ chống lại sâu bệnh.



Kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen (GMO)

EU rất thận trọng đối với GMO; chỉ có một số giống biến đổi gen đã được cho phép đối với đậu nành, hạt cải dầu và ngô, được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Đối với mục đích tiêu dùng, hầu hết các doanh nghiệp thực phẩm chọn không bán thực phẩm biến đổi gen.

Quy định EC số 1829/2003, ngày 22/9/2003 xác định rằng không được đưa ra thị trường các sản phẩm chứa GMO trừ khi được ủy quyền và tuân thủ các quy định về gắn nhãn.

Quy định EU số 503/2013, ngày 03/4/2013 của EU cung cấp một quy trình nộp đơn phê duyệt có hiệu lực trên toàn EU để các doanh nghiệp có thể đưa vào thị trường các sản phẩm GMO.



Ghi nhãn thực phẩm

Các thực phẩm đến tay người tiêu dùng cần phải đáp ứng các thông tin bắt buộc về tên sản phẩm, danh sách thành phần, khối lượng ròng, ngày hết hạn, điều kiện bảo quản, nước xuất xứ, hướng dẫn sử dụng, đánh dấu lô và bảng tuyên bố dinh dưỡng.

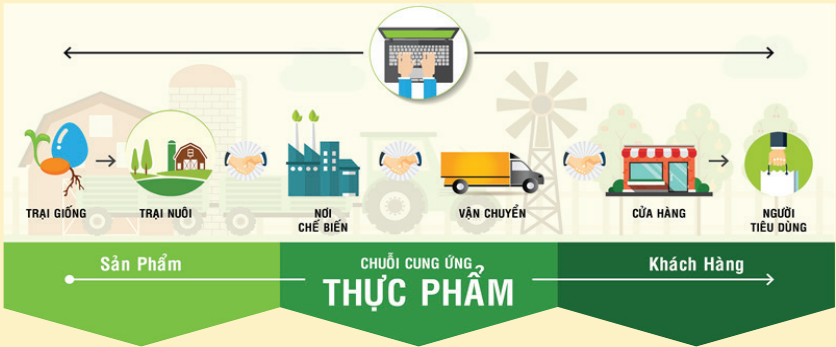
Quy định EU số 1169/2011 được Ủy ban châu Âu ban hành vào ngày 22/11/2011 quy định những quy tắc chung cho ghi nhãn áp dụng với tất cả các sản phẩm thực phẩm.



Truy xuất nguồn gốc, tuân thủ và trách nhiệm trong thực phẩm

Tuân thủ các nghĩa vụ trong tất cả các giai đoạn của sản xuất và phân phối.

Các nhà kinh doanh thực phẩm cần phải xác định được nhà cung cấp và người nhận hàng gần nhất theo Quy định EC số 178/2002, ngày 28/01/2002.



2. Các Hệ thống quản lý của EU

Ủy ban châu Âu về Thương mại

Ủy ban châu Âu về An toàn Thực phẩm

Ủy ban châu Âu về Môi trường

Ủy ban châu Âu về Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA)

Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) và hệ thống REACH

Ủy ban Tiêu chuẩn châu Âu (CEN) về thông số kỹ thuật

Hệ thống kiểm soát và xuất khẩu thương mại TRACES

V. CÁC ĐỊA CHỈ THÔNG TIN HỮU ÍCH

- Bộ phận trợ giúp thương mại EU: <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>
- Lược đồ an toàn thực phẩm tại EU: https://ec.europa.eu/food/overview_en
- Tiêu chuẩn UNECE: <https://www.unece.org/trade/agr/standard/fresh/ffv-standardse.html>; Standards and Recommendations: <https://www.unece.org/tradewelcome/steering-committee-on-trade-capacity-and-standards/tradeagr/standards-and-recommendations.html>
- Tiêu chuẩn sản phẩm: https://ec.europa.eu/info/business-economy-euro/product-safety-and-requirements/eu-product-requirements_en
- Tiêu chuẩn thị trường: <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/marketing-standards>
- Tiêu chuẩn CSR: https://ec.europa.eu/growth/industry/sustainability/corporate-social-responsibility_en
- Các Quy định của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>
- Tài liệu hướng dẫn - các câu hỏi liên quan đến yêu cầu nhập khẩu và các quy tắc mới về vệ sinh thực phẩm và kiểm soát thực phẩm chính thức: https://ec.europa.eu/food/sites/food/files/squill/docs/ia_ic_gui_dance_import-requirements.pdf
- Thông tin về các chất gây ô nhiễm thực phẩm: https://ec.europa.eu/food/squill/chemical_safe/contaminants/index_en.htm
- Phòng thí nghiệm tham khảo cộng đồng về dư lượng thuốc trừ sâu: <https://www.crl-paturalides.eu>
- Thực phẩm biến đổi gen (GM): https://ec.europa.eu/food/plant/gmo_en
- Hướng dẫn về HACCP: website của Trung tâm Thương mại quốc tế
- Thông tin về Hiệp định Thương mại tự do EVFTA: <http://evfta.moit.gov.vn/>
- Trung tâm Xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI): <https://www.cbi.eu>
- Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84.24.2220.5376

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchamy

16. Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Địa chỉ: Số 62 Nguyễn Thị Thập, Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM
Điện thoại: +84.28 6298 3494
Email: vietfood@vietfood.org.vn
Website: <https://www.vietfood.org.vn/>

17. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại EU

1. Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg

Tham tán Thương mại: Trần Ngọc Quân
Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium
Tel: +32 2 3118976
Email: quanthn@moit.gov.vn, be@moit.gov.vn

2. Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia

Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương
Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria
Tel: +43 1 3671759
Email: at@moit.gov.vn; phuongtvi@moit.gov.vn

3. Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thành Hải
Địa chỉ: Ul. Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa
Tel: +48 22 1147131
Email: pl@moit.gov.vn, haint@moit.gov.vn

4. Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania

Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy
Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria
Tel: +359 2 9632609 ext 102
Email: bg@moit.gov.vn, huypt@moit.gov.vn

5. Thương vụ tại Đức

Tham tán Thương mại: Bùi Vương Anh
Địa chỉ: Oranien str. 164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland
Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374
Email: de@moit.gov.vn; anhbv@moit.gov.vn

6. Thương vụ tại Hà Lan

Tham tán Thương mại: Nguyễn Hải Tinh
Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost - Indie 2593 BR, The Hague
Tel: +31 70 3815594
Email: nl@moit.gov.vn, haitinh@hotmail.com; tinhnh@moit.gov.vn

7. Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina

Tham tán Thương mại: Phạm Văn Công
Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89
Tel: + 36 1 2616361
Email: hu@moit.gov.vn, congvt@gmail.com

8. Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra

Tham tán Thương mại: Nguyễn Quỳnh Anh
Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France
Tel: +33 1 46248577
Email: fr@moit.gov.vn, anhngq@moit.gov.vn

9. Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro

Tham tán Thương mại: Hoàng Anh Dũng
Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti - Romania.
Tel: +40 31 1007613
Email: ro@moit.gov.vn; dungmex@yahoo.com

10. Thương vụ tại CH Séc kiêm nhiệm Slovakia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy
Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic
Tel: +420 773 635 829
Email: cz@moit.gov.vn

11. Thương vụ tại Tây Ban Nha

Tham tán thương mại: Vũ Chiến Thắng
Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2ª Izq, 28046 Madrid, Spain
Tel: +34 91 3450519
Email: espa@moit.gov.vn; thangvc@moit.gov.vn

12. Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hoàng Thủy
Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden
Tel: +46 8 322666
Email: se@moit.gov.vn, ThuyNH@moit.gov.vn

13. Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino

Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh
Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia
Tel: +39 06 841 3913
Email: it@moit.gov.vn, thanhnguyen@moit.gov.vn

14. Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland

Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường
Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street
Tel: +44 207 207 9825
Email: uk@moit.gov.vn, cuongnc@moit.gov.vn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3 934 1562 **Fax:** 024 3 938 7164

Website: nhaxuatbancongthuong.com.vn

Email: nxbct@moit.gov.vn

THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU NGÀNH HÀNG GẠO (HS:1006)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

Biên tập viên NXB: Đồng Thị Thu Thủy

Ban Biên soạn

Chủ biên: Tạ Hoàng Linh

Biên soạn:

Nguyễn Thảo Hiền

Đỗ Việt Tùng

Đỗ Thị Minh Phương

Đỗ Việt Hà

Chử Hương Lan

Phan Quang Nghĩa

In 500 cuốn, khổ 13 x 20 cm

In tại Công ty TNHH In Đại Thành

Địa chỉ: 273 Kương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 4231-2020/CXBIPH/03-174/CT

Số QĐXB: 283/QĐ-NXBCT

Mã số ISBN: 978-604-311-082-1

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2020

Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84.24.2220.5376

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy

ISBN: 978-604-311-082-1



9 786043 111082 1

ẤN PHẨM KHÔNG BÁN